

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2767/BVDL-KD
V/v yêu cầu báo giá các thuốc
phục vụ xây dựng dự toán mua sắm
thuốc bổ sung của Bệnh viện Da Liễu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty đủ năng lực, kinh nghiệm và có khả năng cung ứng.

Bệnh viện Da Liễu có nhu cầu tiếp nhận báo giá thuốc để tham khảo, phục vụ xây dựng giá kế hoạch, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc bổ sung với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Da Liễu
2. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận báo giá online tại mục “Yêu cầu báo giá” trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>
❖ Quý Công ty có thắc mắc về báo giá online, liên hệ: Ds. Nguyễn Đoàn Ánh Ngọc -
Điện thoại: 028.3930.0095.
3. Thời hạn tiếp nhận: Từ ngày 15/10/2026 đến ngày 26/10/2026.
4. Thời gian có hiệu lực của báo giá: 180 ngày kể từ ngày 26/10/2026.
5. Quý Công ty có thể báo giá cho 01 thuốc hoặc toàn bộ danh mục tùy vào năng lực.
(Đính kèm Danh mục thuốc mua sắm bổ sung của Bệnh viện Da Liễu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD (NBQA, 01b).



Nguyễn Thị Phan Thúy



DANH MỤC THUỐC MUA SẴM BỔ SUNG CỦA BỆNH VIỆN DA LIỄU

Kèm Công văn số 2767 /BVDL-KD ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Da Liễu

STT	Thành phần/hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09-like strain (A/Missouri/11/2025, IVR-279); A/Darwin/1454/2025 (H3N2)-like strain (A/Michigan/105/2025, SAN-049A); B/Tokyo/EIS13-175/2025-like strain (B/Tokyo/EIS13-175/2025, wild type)	Mỗi 0,5ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09-like strain (A/Missouri/11/2025, IVR-279) 15 µg haemagglutinin, A/Darwin/1454/2025 (H3N2)-like strain (A/Michigan/105/2025, SAN-049A) 15 µg haemagglutinin, B/Tokyo/EIS13-175/2025-like strain (B/Tokyo/EIS13-175/2025, wild type) 15 µg haemagglutinin	Thuốc tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Nhóm 1	350
2	Aciclovir	800mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	12.000
3	Adapalen	0.1%; 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Tuýp	Nhóm 4	8.000
4	Alpha chymotrypsin	21 microkats	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	6.000
5	Amlodipin	5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2	300
6	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/túi	Nhóm 4	900
7	Anifrolumab	300mg/2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	Nhóm 1	36
8	Benzathin benzylpenicilin	1.2 MUI	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống/túi	Nhóm 4	600
9	Cefuroxim	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	18.000
10	Ciclosporin	25mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1	5.000
11	Desloratadin	0,5mg/ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ	Nhóm 4	1.500
12	Desloratadin	5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2	250.000
13	Doxycyclin	100mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	50.000
14	Enoxaparin (Natri)	4000IU/0,4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Nhóm 1	6
15	Epinephrin (Adrenalin)	1mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống/túi	Nhóm 4	500
16	Griseofulvin	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	2.400
17	Isotretinoin	10mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	3.000
18	Itraconazol	100mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	63.000
19	Ivermectin	6mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	300

STT	Thành phần/hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20	Levofloxacin	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ Mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1	20
21	Loratadin	10mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2	50.000
22	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/lọ/ống/túi/gói	Nhóm 1	50
23	Methyl prednisolon	4mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	40.000
24	Metronidazol	250mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2	1.000
25	Minocyclin	100mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	30.000
26	Minocyclin	50mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	220.000
27	Natri clorid	0,9%; 1.000ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 4	350
28	Nước cất pha tiêm	10ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Ống	Nhóm 4	7.000
29	Pethidin hydroclorid	100mg/2ml; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống/túi	Nhóm 1	10
30	Povidon Iodin	10%; 40g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	20
31	Ringer lactat	500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai/lọ	Nhóm 4	200
32	Salicylic acid	5%; 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	10.000
33	Tetracyclin hydroclorid	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	300
34	Triamcinolon acetonid	0,1%; 5g	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	560
35	Ustekinumab	45mg/0,5ml; 0,5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Nhóm 1	120
36	Vitamin A + D2 + B1 + B2 + Nicotinamid + B6 + Folic acid + Calcium pantothenat + B12 + C + E + L-Leucin + L-Isoleucin + Lysin hydroclorid + L-Phenylalanin + L-Threonin + L-Valin + L-Tryptophan + L-Methionin + 5Hydroxyanthranilic acid hydroclorid	2.000UI + 200UI + 5mg + 3mg + 20mg + 2,5mg + 0,2mg + 5mg + 1mcg + 20mg + 1mg + 18,3mg + 5,9mg + 25mg + 5mg + 4,2mg + 6,7mg + 5mg + 18,4mg + 0,2mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4	4.000
37	Vitamin D2	2.000.000UI/100ml; 20ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ	Nhóm 1	120

BVDL

khm